

Số: 55/2021/QĐST-HNGĐ

A, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 125/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa:

**\* Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ánh H** – Sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**\* Bị đơn: Anh Trần Văn L** – Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**1/ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam** – Phòng giao dịch huyện A – Đ/c: Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**2/ Ông Trần Văn H** – Sinh năm: 1947

**3/ Bà Trần Thị L** – Sinh năm: 1952

**4/ Bà Trần Thị N** – Sinh năm: 1960

**5/ Anh Nguyễn Đình T** – Sinh năm: 1987

Cùng trú tại: Thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**6/ Bà Trần Thị D** – Sinh năm: 1963 - Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**7/ Anh Trần Văn Đ** – Sinh năm: 1974 - Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**8/ Bà Trần Thị B** – Sinh năm: 1967 - Trú tại: Thôn 4, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**9/ Chị Tô Thị Q** – Sinh năm: 1990 - Trú tại: Thôn 6, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An.

**10/ Anh Trần Văn T** – Sinh năm: 1975 - Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Giấy thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ ngày 02/7/2021 và bản tự khai ngày 05/7/2021 của các đương sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2021.

Căn cứ vào các biên bản giao nhận Biên bản hòa giải thành ngày 07/7/2021 cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ngày 08/7/2021.

## **XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Đậu Thị Ánh H và anh Trần Văn L.

**II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đậu Thị Ánh H và anh Trần Văn L thỏa thuận ly hôn.

**2/ Về nuôi con chung:** Giao con chung là con Trần Duy Đ sinh ngày 24/12/2008 cho anh Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao 02 con chung là: Trần Thị Mỹ D sinh ngày 08/11/2004 và Trần Thị An N sinh ngày 18/11/2016 cho chị Đậu Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đậu Thị Ánh H và anh Trần Văn L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

**3/ Về chia tài sản chung:**

Chị Đậu Thị Ánh H và anh Trần Văn L thống nhất có các tài sản chung và phân chia như sau:

Vợ chồng có tài sản chung gồm: Thửa đất vườn ở số 313, tờ bản đồ số 11, có diện tích 758 m<sup>2</sup> (Trong đó: 300 m<sup>2</sup> đất ở, 70 m<sup>2</sup> đất trong cây hàng năm khác, 388 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), tại thôn 6 (Nay là thôn 4), xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 422148 cấp ngày 09/12/2010 mang tên Trần Văn L và Đậu Thị Ánh H (Theo đo đạc mới là thửa số 251, tờ bản đồ số 26, có diện tích theo hiện trạng do Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2021 là 681,9 m<sup>2</sup>) và các tài sản là nhà ở và các công trình, cây cối gắn liền trên thửa đất. Nay ly hôn chị H và anh L thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản chung như sau:

**3.1. Giao cho anh Trần Văn L sử dụng và sở hữu các tài sản sau:**

**3.1.1/ 296,2 m<sup>2</sup> đất vườn ở (Phần ký hiệu: P3/296,2) tại thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (Trong đó: 150 m<sup>2</sup> đất ở, 146,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), có vị trí: Cạnh phía bắc giáp 250,3 m<sup>2</sup> đất giao cho chị Đậu Thị Ánh H (Phần ký hiệu: P2/250,3) dài 45,38 m, cạnh phía nam giáp thửa đất số 263 dài 45,14 m, cạnh phía đông giáp đường giao thông rộng 6,1 m, cạnh phía tây giáp**

thửa đất số 262 rộng 6,98 m và sở hữu 01 ngôi nhà (Ký hiệu (g), các công trình khác và cây cối toạ lạc trên 296,2 m<sup>2</sup> đất (Phần ký hiệu: P3/296,2). *(Có sơ đồ chia quyền sử dụng đất kèm theo).*

3.1.2/ 135,4 m<sup>2</sup> đất trồng cây (Phần ký hiệu: P1/135,4) tại thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (Trong đó: 70 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm, 65,4 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), có vị trí: Cạnh phía bắc giáp thửa đất số 428 dài 45,76 m, cạnh phía nam giáp 250,3 m<sup>2</sup> đất giao cho chị Đậu Thị Ánh H (phần ký hiệu P2/250,3) dài 45,60 m, cạnh phía đông giáp đường giao thông rộng 3,4 m, cạnh phía tây giáp thửa đất số 262 rộng 2,52 m. *(Có sơ đồ chia quyền sử dụng đất kèm theo).*

3.2. *Giao cho chị Đậu Thị Ánh H sử dụng và sở hữu các tài sản sau:*

- 250,3 m<sup>2</sup> đất vườn ở (Phần ký hiệu: P2/250,3) tại thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (Trong đó: 150 m<sup>2</sup> đất ở, 100,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), có vị trí: Cạnh phía bắc giáp 135,4 m<sup>2</sup> đất giao cho anh Trần Văn L (Phần ký hiệu: P1/135,4) dài 45,60 m, cạnh phía nam giáp 296,2 m<sup>2</sup> đất giao cho anh Trần Văn L (Phần ký hiệu: P3/296,2) dài 45,38 m, cạnh phía đông giáp đường giao thông rộng 5,5 m, cạnh phía tây giáp thửa đất số 262 rộng 5,5 m và sở hữu các công trình, cây cối toạ lạc trên 250,3 m<sup>2</sup> đất (Phần ký hiệu: P2/250,3). *(Có sơ đồ chia quyền sử dụng đất kèm theo).*

**4/ Về nghĩa vụ trả nợ:** Chị Đậu Thị Ánh H và anh Trần Văn L thoả thuận phân chia nghĩa vụ trả nợ như sau:

4.1. *Anh Trần Văn L có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:*

- Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền: 12.000.000 đồng.
- Trả cho ông Trần Văn H số tiền: 50.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trần Văn Đ số tiền: 22.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trần Văn T số tiền: 19.000.000 đồng.
- Trả cho anh Nguyễn Đình T số tiền: 10.000.000 đồng.

4.2. *Chị Đậu Thị Ánh H có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:*

- Trả cho chị Tô Thị Q số tiền: 6.000.000 đồng.
- Trả cho bà Trần Thị B số tiền: 7.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

**5/ Về án phí:** Áp dụng: Khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH.

- Chị Đậu Thị Ánh H phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005682 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Nghệ An). Trả lại cho bà chị Đậu Thị Ánh H 150.000 đồng.

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Lệ Hằng**